

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2020/HS-ST  
Ngày 03 – 11 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Quyền**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Tơn** và bà **Bàng Thị Hồng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đỗ Thu Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông **Trần Quang Thắng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2020/TLST - HS ngày 06 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2020/TLST - HS ngày 10 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2020/HSST-QĐ ngày 24/9/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 29/TB-HSST ngày 21/10/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn C1**; sinh ngày: 08/02/1990 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Số nhà 04/75 D1, phường N8, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M2 và bà Nguyễn Thị H7; có vợ là Nguyễn Thị T8 và có 01 con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 20/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**; sinh ngày: 30/4/1986 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Số 10/19 Nam Sơn, phường N8, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H8 và bà Đào Thị N1; có vợ là Nguyễn Thị Hà; có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 21/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. Họ và tên: **Đào Thị N1**; sinh ngày: 15/4/1963 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Số 14/7 Nam Sơn, phường N8, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Duy P3 (đã chết) và bà Lê Thị B1 (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn H8; có 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1991;

tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

4. Họ và tên: **Vũ Thị P1**; sinh ngày: 31/12/1977 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Số nhà 189 D1, phường N8, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Duy L (đã chết) và bà Lê Thị N7 (đã chết); có chồng là Ngô Sỹ Liên (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/01/2009 bị Tòa án thị xã (nay là thành phố) Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”, đến ngày 29/8/2010 chấp hành xong hình phạt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2019 đến ngày 10/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo:**

- Bà **Vũ Hồng H2**; sinh năm: 1977; địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà OCD số 1 Ô Chợ Dừa, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội – Luật sư công ty Luật TNGG G77 T1ộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho các bị cáo Trần Văn C1 và Vũ Thị P1.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị **Cao Thị T1**; sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn T8, xã H9, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Chị **Lê Thị N2**; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Xóm 5, xã N9, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- Chị **Lê Thị Hằng H3**; sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn 10, xã H10, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

**\* Người làm chứng:**

- Chị **Vàng Thị T2**; sinh năm: 1994; nơi cư trú: Bản B2, xã B3, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

- Chị **La Thị Q**; sinh năm: 2003; nơi cư trú: Bản N10, xã N10, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

- Chị **Phạm Thị N6**; sinh năm: 1990; nơi cư trú: Buôn Đ1, xã C5, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị H4**; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Thôn B4, xã C6, huyện Lương Sơn, tỉnh H13; vắng mặt.

- Chị **Phạm Thị N3**; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Bản C7, xã T9, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Chị **Hà Thị T3**; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn T10, xã T11, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Chị **Hà Thị T4**; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn T10, xã T11, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Chị **Lương Thị H5**; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn V, xã C8, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Chị **Hà Thị N4**; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn T12, xã T11, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.
- Anh **Nguyễn Quang M1**; sinh năm: 1971; nơi cư trú: Tổ 80, khu 8, phường Ô, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Văn Đức T6**; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Tổ 8, khu 4A, phường C10, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Hoàng Tuấn A**; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Tổ 3, khu 2A, phường C10, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Trịnh M1 P2**; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Tổ 8, khu H11, phường C11, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Nguyễn Văn B4**; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn T13, xã N11, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.
- Anh **Vũ Trọng C2**; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Tổ 5, khu 6C, phường C10, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Đào Mạnh C3**; sinh năm: 1972; nơi cư trú: Tổ 6, khu 6B, phường C10, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Chị **Bùi Hồng N5**; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Tổ 1, khu Đ2, phường C11, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Trần Cảnh T7**; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Tổ 37, khu 3, phường C15, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Bà **Lương Thị H5**; sinh năm: 1960; nơi cư trú: Tổ 6, khu H12, phường C12, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Bà **Vũ Thị C4**; sinh năm: 1963; nơi cư trú: Tổ 6, khu H13, phường C13, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Nông Văn Đ**; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Tổ 3, khu 10, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Nguyễn Thành T5**; sinh năm: 1977; nơi cư trú: Tổ 64, khu D2, phường C14, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn C1, Nguyễn Văn H1, Vũ Thị P1 có mối quan hệ quen biết nhau vì Thuê nhà ở gần nhau, tại khu vực phường C12, thành phố Cẩm Phả. Lúc đầu các bị cáo Thuê nhà với mục đích để ở kết hợp mở quán tẩm quất, massage nhưng sau đó đã cho gái mại dâm ăn ở, sinh hoạt và bán dâm tại quán của mình. Đối với Đào Thị N1, là mẹ của Nguyễn Văn H1 là người giúp cho H1 bố trí gái mại dâm cho người mua dâm những khi H1 không có mặt ở quán và hàng ngày cùng H1 quản lý, bố trí việc bán dâm của các gái mại dâm tại quán của mình. Cụ thể như sau:

Đối với Trần Văn C1: Từ khoảng tháng 3/2018, C1 Thuê căn nhà ở số 647 đường Lê Thanh Nghị, T1ộc tổ 9, khu Trần Hưng Đạo, phường C12, thành phố Cẩm

Phả, tỉnh Quảng Ninh của chị Bùi Hồng N5 (sinh năm 1978; trú tại tổ 1, khu Đ2, phường C11, thành phố Cẩm Phả) để chứa mại dâm. Sau khi Thuê, C1 sửa chữa căn nhà trên chia thành 06 buồng nhỏ để cho gái mại dâm ở và bán dâm tại đây. Tháng 11/2019, các chị Vàng Thị T2 (sinh năm 1994; trú tại bản B2, xã B3, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu), Lê Thị N2 (sinh năm 1985; trú tại xóm 5, xã N9, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An) đến ở và bán dâm cho khách mua dâm. C1 thỏa thuận với các chị T2, N2 cụ thể như sau: T2, N2 được bố trí ăn ngủ, sinh hoạt và bán dâm cho khách đến mua dâm tại quán, theo chỉ đạo và sắp xếp của C1. Giá mỗi lần bán dâm là 200.000 đồng/người, C1 sẽ trực tiếp Thu tiền của khách, sau đó khi nhân viên bán dâm cho khách xong thì sẽ được chia lại 100.000 đồng/lần bán dâm, C1 được hưởng 100.000 đồng, gái mại dâm tự chuẩn bị bao cao su để bán dâm. C1 đã nhiều lần chứa chấp các chị T2, N2 bán dâm tại quán của C1. Trong thời gian bán dâm tại quán của C1, chị Lê Thị N2 sử dụng một quyển sổ kích thước (15x10)cm, bìa giả da, màu đen để ghi chép số lần C1 bố trí chị bán dâm để theo dõi việc C1 chia tiền bán dâm với C1 theo thỏa Thuận.

Đối với Đào Thị N1 và Nguyễn Văn H1: Khoảng tháng 5/2015, Đào Thị N1 Thuê căn nhà số 659, đường Lê Thanh Nghị, cùng tổ 9, khu Trần Hưng Đạo, phường C12, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh của anh Nguyễn Thành T5 (sinh năm 1977; trú tại tổ 64, khu D2, phường C14, thành phố Cẩm Phả). Sau khi Thuê nhà, Nghĩa cùng con trai là Nguyễn Văn H1 ngăn căn nhà ra thành 06 buồng nhỏ nhằm mục đích để cho gái bán dâm ở và bán dâm tại đây. Khoảng tháng 3/2019 có chị Phạm Thị N3 (sinh năm 1988; trú tại bản C7, xã T9, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa) đến ở và bán dâm; khoảng tháng 6/2019 có chị Vân (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) đến ở và bán dâm; khoảng tháng 10/2019 có chị Hà Thị T3 (sinh năm 1995), chị Hà Thị T4 (sinh năm 1988) đều trú tại thôn T10, xã T11, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa và chị Thương (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) đến ở và bán dâm. Từ tháng 12/2019 có các chị Lương Thị H5 (sinh năm 1995; trú tại thôn V, xã C8, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa), Hà Thị N4 (sinh năm 1985; trú tại thôn T12, xã T11, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) đến ở và bán dâm. N1 và H1 thỏa Thuận với gái mại dâm việc Nghĩa hoặc H1 sẽ trực tiếp giao dịch với khách mua dâm để gái bán dâm Thực hiện bán dâm cho khách tại quán với giá 200.000 đồng/lượt. N1, H1 sẽ chia cho gái bán dâm 100.000 đồng/lượt, nếu H1 môi giới cho gái mại dâm đi bán dâm ở quán khác thì gái bán dâm hưởng 100.000 đồng, H1 hưởng 50.000 đồng, chủ quán chứa gái bán dâm hưởng 50.000 đồng. Để tiện cho việc theo dõi số lượt bán dâm của từng gái bán dâm, H1 đã cắt nhiều mảnh giấy dạng hình tròn, đường kính khoảng 3 – 4cm rồi Nghĩa viết chữ “H1” trên các mảnh giấy này, được gọi là “Vé” để sau mỗi lần gái mại dâm bán dâm cho khách xong thì Nghĩa hoặc H1 phát cho người bán dâm giữ một “vé”, đến cuối ngày Nghĩa hoặc H1 chia cho người bán dâm 100.000 đồng/vé, gái mại dâm tự chuẩn bị bao cao su để bán dâm. N1 và H1 đã nhiều lần chứa chấp chị N4, H5, T4, N3, T3 bán dâm tại quán. N1 và H1 trực tiếp ghi nháp vào quyển sổ kích thước (13x8,5)cm số lần các chị N3, V, T3, T4, T5, H5, N4 bán dâm, sau đó ghi chép lại vào một quyển sổ kích thước (24x17)cm để chia tiền cho người đã bán dâm. Các chị N3, T5, N4, H3 cũng sử dụng một quyển sổ kích thước (13x8,5)cm và hai quyển sổ cùng có kích thước (10,5x7)cm và nhờ các chị T3 và V ghi chép lại số lượt đã bán dâm để đối chiếu sau khi được N1 và H1 thanh toán tiền bán dâm theo thỏa thuận. Ngày gần nhất H1 bố trí cho chị N3 bán dâm 02 lượt, T5

bán dâm 01 lượt, H5 bán dâm 01 lượt; N1 bố trí chị V bán dâm 01 lượt (với anh Nông Văn Đ) vào tối ngày 20/12/2019 tại quán của H1 và N1. Trong đó có 01 lượt H1 bố trí chị N3 sang quán của C1 bán dâm.

Đối với Vũ Thị P1: P1 thuê căn nhà số 694, đường Lê Thanh Nghị, tại tổ 6, khu H12, phường C12, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh của chị Lương Thị H5 (sinh năm 1960; trú tại tổ 6, khu H12, phường C12, thành phố Cẩm Phả) từ ngày 01/11/2018, sau đó ngăn thành 04 buồng nhỏ để gái mại dâm đến ở và bán dâm. Tháng 01/2019, có chị Phạm Thị N6 (sinh năm 1990; trú tại buôn Đ1, xã C5, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai) đến ở và bán dâm; Tháng 10/2019 có các chị Lê Thị Hằng H3 (sinh năm 1990; trú tại thôn 10, xã H10, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh), Nguyễn Thị H4 (sinh năm 1986; trú tại thôn B4, xã C6, huyện Lương Sơn, tỉnh H13), đến ở và bán dâm. Tháng 11/2019 có Cao Thị T1 (sinh năm 1993; trú tại Thôn T8, xã H9, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương) đến ở và bán dâm. P1 thỏa Thuận với gái mại dâm, P1 sẽ trực tiếp giao dịch với khách mua dâm để gái bán dâm Thực hiện bán dâm cho khách tại quán của P1 với giá 200.000 đồng/lượt, P1 sẽ chia cho gái bán dâm 100.000 đồng/lượt, nếu P1 môi giới cho gái mại dâm đi bán dâm ở quán khác thì gái bán dâm hưởng 100.000 đồng, P1 hưởng 50.000 đồng, chủ quán chứa gái bán dâm mà P1 môi giới hưởng 50.000 đồng, gái mại dâm tự chuẩn bị bao cao su để bán dâm. P1 đã nhiều lần chứa chấp chị N6, H3, Huế, T1 bán dâm tại quán của mình và ghi vào sổ số lần chị T1 bán dâm vào quyển sổ kích thước (10x15)cm, bìa giả da màu đen.

Khoảng 20 giờ 45 Phút ngày 20/12/2019, khi C1 đang ở quán của C1 thì các anh Trịnh M1 P2 (sinh năm 1974; trú tại tổ 8, khu H11, phường C11, thành phố Cẩm Phả), Văn Đức T6 (sinh năm 1978; trú tại phường C10, thành phố Cẩm Phả), anh Hoàng Tuấn A (sinh năm 1992; trú tại phường C10, thành phố Cẩm Phả) và anh Nguyễn Quang M1 (sinh năm 1971; trú tại tổ 80, khu 8, phường Ô, thành phố Cẩm Phả) đến gặp C1 để thỏa Thuận mua dâm với gái mại dâm. C1 đồng ý và thỏa Thuận giá 200.000 đồng 1 người/1 lượt mua dâm. Anh M1 đã trả cho C1 800.000 đồng để nhóm anh M1 mua dâm. Tại thời điểm này, quán C1 có chị Vàng Thị T2 sẵn sàng để bán dâm còn chị N2 đang bị ốm mệt nên không bán dâm. Ngoài ra còn có chị La Thị Q (sinh ngày 10/7/2003; trú tại bản N10, xã N10, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Gia Lai) là người mới đến quán C1 ngày 20/12/2019 mục đích để bán dâm, nhưng do mệt nên chưa đồng ý bán dâm. Do vậy C1 đi sang quán của H1, bảo H1 bố trí gái bán dâm sang quán C1 bán dâm thì H1 đồng ý và bố trí chị Phạm Thị N3 sang quán C1 để bán dâm. Tiếp đó C1 sử dụng điện thoại có số Thuê bao 0979324586 gọi vào điện thoại của P1 có số Thuê bao 0989157685 bảo P1 bố trí 02 gái mại dâm sang quán C1 bán dâm. P1 đồng ý rồi bố trí các chị Cao Thị T1 và Lê Thị Hằng H3 sang quán C1 bán dâm. Khi đã đủ gái bán dâm thì C1 bố trí chị T1 và anh P2 vào buồng số 1 bên trái (tính từ cửa chính vào), chị N3 và anh T6 vào buồng số 2, chị T2 và anh Tuấn A vào buồng số 5, chị H3 và anh M1 vào buồng số 1 bên phải để quan hệ tình dục mua bán dâm, còn C1 ngồi phòng khách. Lúc này có anh Vũ Trọng C2 và Nguyễn Văn B4 cũng đến quán C1 để mua dâm. Khoảng 05 Phút thì C1 bảo anh C2 vào buồng số 4 hỏi chị La Thị Q để mua dâm, nhưng chị Q nói mệt không bán dâm nên anh C2 đi ra ngoài. Hồi 21 giờ 15 Phút cùng ngày, khi chị T1 và anh P2, chị N3 và anh T6, chị T2 và anh Tuấn A, chị H3 và anh M1 đang thực

hiện hành vi quan hệ tình dục mua bán dâm thì bị Công an thành phố Cẩm Phả kiểm tra, bắt quả tang.

Vật chứng Thu giữ gồm:

T1 tại 04 phòng mà C1 bố trí cho các anh M1, T6, Tuấn A và P2 mua dâm mỗi phòng 01 bao cao su đã sử dụng, 04 vỏ bao cao su nhãn hiệu Silver Fox; T1 của C1 1.800.000 đồng; 01 điện thoại Iphone X có mặt sau bằng kính màu trắng, bên trong gắn sim số 0979324586.

Khám xét khẩn cấp tại quán của Trần Văn C1: T1 68 bao cao su và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Silver Fox; T1 tại buồng số 2 số tiền 2.500.000 đồng; T1 trong buồng số 1 bên phải 01 quyển sổ kích thước (15x10)cm, bìa giả da, màu đen trong có 11 trang viết các chữ số bằng mực bút (ký hiệu từ A01 – A11); T1 tại buồng thứ 3 bên trái 01 hợp đồng Thuê nhà; T1 tại buồng số 1 bên phải 2.400.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp tại quán của Vũ Thị P1: T1 tại buồng số 01 số tiền 1.700.000 đồng; T1 tại buồng số 02 tổng số 104 bao cao su nhãn hiệu Silver Fox; T1 tại phòng khách 01 quyển sổ kích thước (10x15)cm, bìa giả da, màu đen, trong có 12 trang viết các chữ, số bằng mực bút màu đen (ký hiệu từ A01 - A11) và số tiền 8.600.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp tại quán của Đào Thị N1 và Nguyễn Văn H1: T1 tại phòng khách: 01 hộp nhựa hình trụ, đường kính đáy 10cm, cao 17cm, màu trắng, bên trong có 01 (một) quyển sổ kích thước (13x8,5)cm, trong có 02 trang viết các chữ, số bằng mực bút màu xanh, đen (ký hiệu từ A 24 – A25); 02 bút bi mực màu xanh, đen; 90 (chín mươi) mảnh giấy được cắt dạng hình tròn có đường kính 3-4cm, một mặt đều có chữ “H1” (ký hiệu từ A111 – A204). T1 tại buồng số 01: 70 bao cao su nhãn hiệu Silver Fox; 01 ví nhựa màu đen trong có 01 Chứng M1 nhân dân mang tên Đào Thị N1 và số tiền 9.700.000 đồng; 01 quyển sổ tay kích thước (13x8,5)cm, ở mặt ngoài bìa sổ có chữ viết “Hà Thị T4”, trong sổ có 14 trang có các chữ, số (ký hiệu A77-A90). T1 tại buồng số 04: 01 quyển sổ gáy đóng lò xo kích thước (10,5x7)cm trong có 03 trang có chữ, số (ký hiệu A34-A36); 01 quyển sổ gáy đóng lò xo kích thước (10,5x7)cm, trong có 04 trang có các chữ, số viết (ký hiệu A37-A40). T1 tại buồng số 05: 03 bao cao su và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Silver Fox. T1 tại buồng số 06: 03 bao cao su nhãn hiệu Doctor, 35 bao cao su nhãn hiệu Silver Fox, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Silver Fox. T1 tại xô nhựa đựng rác khu vực sân sau nhà: 01 quyển sổ kích thước (24x17)cm, trong có 10 trang viết các chữ, số (ký hiệu A41-A50); 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm trong có 17 trang viết các chữ, số (ký hiệu A51-A67); 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm trong có 07 trang viết các chữ, số (ký hiệu A68-A74); 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm ở ngoài bìa ghi chữ “Hà” bằng mực màu xanh, trong có dập ghim 01 mảnh giấy kích thước (13,5x8,5)cm có hai trang ghi các chữ, số (ký hiệu A75-A76); 16 mảnh giấy kích thước (13,5x8,5)cm, một cạnh của các mảnh giấy có dấu vết cắt nhám nhòe, có viết các chữ, số (ký hiệu A91-A110); số tiền 800.000 đồng. T1 tại ngăn tủ nhựa trên gác xép 01 hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông và 01 tờ phụ lục hợp đồng; Thu giữ của Nguyễn Văn H1 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 6, bên trong gắn sim số: 0975.129.103.

Tại bản kết luận giám định số 257 ngày 20/4/2020 của Phòng Kỹ T1ật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận:

- 01 quyển sổ bìa giả da, màu đen kích thước (10x15)cm, Thu giữ tại quán của Vũ Thị P1 trong có 12 trang viết các chữ, số ký hiệu từ A13 – A17 có chữ viết của Vũ Thị P1.

- 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm bên trong có 02 trang có chữ viết, số ký hiệu từ A24 đến A25; 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm bên trong có 08 trang có chữ viết, có số ký hiệu từ A26 - A33; 01 quyển sổ gáy đóng lò xo kích thước (10,5x7)cm bên trong có 03 trang có chữ viết có số ký hiệu từ A 34 – A36; 01 quyển sổ gáy đóng lò xo kích thước (10,5x7)cm bên trong có 04 trang có chữ viết có số ký hiệu từ A37 - A40; 01 quyển sổ kích thước (24x17)cm, bên trong có 17 trang có chữ viết có số ký hiệu từ A41 - A50; 01 quyển sổ KT (13x8,5)cm bên trong có 17 trang có chữ viết (trang đánh số 16, 17 bị rách rời khỏi sổ) có số ký hiệu từ A51 - A67; 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm, bên trong có 07 trang có chữ viết có số ký hiệu từ A68 đến A74; 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm, ngoài bìa ghi chữ “Hà”, bên trong dập ghim 01 mảnh giấy kích thước (13x8,5)cm, có 02 trang có chữ viết, được đánh số ký hiệu từ A75 - A76 có chữ viết của Nguyễn Văn H1.

- 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm bên trong có 02 trang có chữ viết có số ký hiệu từ A24 - A25; 01 quyển sổ kích thước (24x17)cm, bên trong có 10 trang có chữ viết có số ký hiệu từ A41 - A50; 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm, ngoài bìa ghi chữ “Hà”, bên trong dập ghim 01 mảnh giấy kích thước (13x8,5)cm có 02 trang có chữ viết, được đánh số ký hiệu từ A75 đến A76; 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm, bìa ghi chữ “Hà Thị T4” bên trong có 14 trang có chữ viết được đánh số từ 1 đến 14, trong đó trang đánh số 7 bị rách chỉ còn nửa trang, được đánh số ký hiệu từ A77 đến A90; 16 mảnh giấy kích thước (13x8,5)cm, gồm có 20 trang có chữ viết có số ký hiệu từ A91 đến A110; 94 mảnh giấy bìa được cắt dạng hình tròn có đường kính 3-4cm, trên mỗi mảnh giấy đều ghi chữ “H1”, có số ký hiệu từ A111-A204 có chữ viết của Đào Thị N1.

- 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm, bên trong có 07 trang có chữ viết có số ký hiệu từ A68 - A74; 01 quyển sổ kích thước (13x8,5)cm bên trong có 08 trang có chữ viết có số ký hiệu từ A91 - A110 là chữ viết của Hà Thị T3.

Tại bản kết luận giám định số 734 ngày 30/6/2020 của Phòng Kỹ T1ật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: 01 quyển sổ bìa da màu đen, kích thước (10x15)cm, bên trong có 11 trang chữ viết có số ký hiệu từ A01- A11 có chữ viết của Lê Thị N2.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra có đủ cơ sở xác định:

Từ khoảng tháng 3/2019 đến ngày 20/12/2019, Nguyễn Văn H1 và Đào Thị N1 đã chứa chấp chị N5 bán dâm 70 lượt, chị H3 bán dâm 104 lượt, T5 bán dâm 461 lượt, N3 bán dâm 1.038 lượt, T3 bán dâm 128 lượt. Tổng số tiền H1 và N1 T1 được từ việc chứa mại dâm là 360.200.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu hai trăm nghìn đồng). Theo thỏa thuận về việc chia số tiền T1 được với các gái bán dâm H1 và N1 đã thanh toán hết phần tiền mà từng gái bán dâm được hưởng tương đương một nửa số tiền T1 được. Số tiền mà H1 và N1 Thu lợi bất chính (được hưởng lợi trực tiếp) là 180.100.000 đồng (một trăm tám mươi triệu một trăm nghìn đồng), khoản tiền này H1 và Nghĩa đã chi tiêu hết. Ngày 20/12/2019, Nguyễn Văn H1 còn có hành vi môi giới chị Phạm Thị N3 đến quán của Trần Văn C1 để bán dâm.

Từ tháng 01/2019 đến ngày 20/12/2019, Vũ Thị P1 đã chứa chấp chị N6 bán dâm 22 lượt, chứa chấp chị H3 bán dâm 14 lượt, chứa chấp chị Huế bán dâm 10 lượt, chứa chấp chị T1 bán dâm 210 lượt. Tổng số tiền P1 T1 được từ việc chứa mại dâm là 51.200.000 đồng (năm mươi một triệu hai trăm nghìn đồng). P1 đã thanh toán một nửa số tiền này cho các gái bán dâm, số tiền P1 Thu lợi bất chính là 25.600.000 đồng (hai mươi năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Ngày 20/12/2019 Vũ Thị P1 còn có hành vi môi giới các chị Cao Thị T1 và Lê Thị Hằng H3 đến quán của Trần Văn C1 để bán dâm.

Từ tháng 11/2019 đến ngày 20/12/2019, Trần Văn C1 đã chứa chấp chị Lê Thị N2 bán dâm 116 lượt, T1 đượ 23.200.000 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) của người mua dâm, C1 đã chia cho chị N2 một nửa số tiền T1 được, số tiền C1 Thu lợi bất chính là 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng). Hồi 21 giờ 15 Phút ngày 20/12/2019, khi C1 đang có hành vi chứa chấp các chị Phạm Thị N3, Vàng Thị T2, Cao Thị T1 và Lê Thị Hằng H3 bán dâm cho các anh Trịnh M1 P2, Văn Đức T6, Hoàng Tuấn A và Nguyễn Quang M1 tại quán của C1 thì bị Công an thành phố Cẩm Phả phát hiện bắt quả tang.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: bị cáo Vũ Thị P1 đã tự nguyện nộp số tiền Thu lợi bất chính là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo Biên lai Thu tiền số 0007439 ngày 09/9/2020; bị cáo Trần Văn C1 tự nguyện nộp số tiền Thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), theo Biên lai Thu tiền số 0007442 ngày 23/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả để nộp Ngân sách Nhà nước.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H1, Đào Thị N1, Vũ Thị P1 và Trần Văn C1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu ở trên. Ngoài ra, bị cáo C1 còn khai: số tiền 2.500.000 đồng T1 tại buồng số 2 của quán là của C1 có được do bán nem chua không liên quan đến hành vi phạm tội, số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) T1 được tại buồng số 1 của quán là của chị Lê Thị N2 vay của C1 mấy hôm trước để giải quyết việc gia đình. Bị cáo P1 khai chiếc Iphone XS Max mà cơ quan Công an Thu giữ là P1 mượn của chị Lê Thị Hằng H3 còn chiếc sim số 0989157685 bên trong điện thoại là của P1, số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn) cơ quan Công an Thu giữ tại buồng số 1 của quán P1 là số tiền của chị Cao Thị T1 có được từ việc bán dâm tại quán; số tiền 8.600.000 đồng T1 tại phòng khách là do P1 bán vàng có được, không liên quan đến việc phạm tội. Bị cáo N1 khai: số tiền 9.700.000 đồng T1 tại buồng số 1 ở quán của N1 là số tiền N1 được người thân cho, không liên quan đến việc phạm tội. Bị cáo H1 khai: chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6, bên trong gắn sim số: 0975.129.103 mà cơ quan Công an Thu giữ là của bị cáo nhưng bị cáo chỉ sử dụng chiếc điện thoại này phục vụ nhu cầu cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại giai đoạn điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai nhận:

Chị Lê Thị N2 khai: chị N2 đến quán của C1 làm việc từ khoảng cuối tháng 11/2019, được C1 bố trí việc, tắm quất, massage hoặc bán dâm khi khách khách có yêu cầu. Từ ngày đến làm việc, chị N2 đã nhiều lần được C1 bố trí cho bán dâm tại



buồng số 1 của quán, mỗi lượt bán dâm C1 sẽ T1 của người mua dâm số tiền 200.000 đồng, C1 được hưởng 100.000 đồng, chị N2 được hưởng 100.000 đồng, sau khi bán dâm. Đối với số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), cơ quan Công an Thu giữ tại buồng của chị N2 là do chị N2 vay của C1 để giải quyết việc riêng, không liên quan đến số tiền được hưởng lợi từ việc bán dâm.

Chị Cao Thị T1 khai: chị T1 đến quán của P1 làm việc từ khoảng đầu tháng 11/2019, từ khi đến làm việc tại đây chị T1 đã được P1 bố trí bán dâm nhiều lần tại buồng số 1 của quán, mỗi lượt bán dâm tại quán P1 sẽ T1 của người mua dâm số tiền 200.000 đồng, P1 được hưởng 100.000 đồng, chị T1 được hưởng 100.000 đồng, nếu đi bán dâm tại nơi khác khi P1 yêu cầu thì chị T1 cũng được chia 100.000 đồng/1 lượt bán dâm. Vào khoảng 21 giờ ngày 20/12/2019, khi đang ngồi ở quán thì chị T1 và chị Lê Thị Hằng H3 được P1 mời giới sang quán của C1 để bán dâm cho khách. Khi sang quán của C1, chị T1 được C1 bố trí bán dâm cho anh Trịnh M1 P2 tại buồng số 1 bên trái (tính từ cửa chính của quán đi vào) còn chị H3 được C1 bố trí bán dâm cho anh Nguyễn Quang M1 tại số 1 bên phải (tính từ cửa chính của quán đi vào), khi đang Thực hiện hành vi bán dâm thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang, Thu giữ những vật chứng nêu trên. Đối với số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng) cơ quan Công an Thu giữ tại buồng số 1 của quán P1 là số tiền của chị T1 được P1 chia cho từ việc bán dâm tại quán của P1.

Chị Lê Thị Hằng H3 khai: chị H3 đến quán của P1 bán dâm từ khoảng tháng 10 năm 2019, khi đến quán, chị H3 được P1 bố trí cho sinh hoạt và bán dâm tại buồng số 2 của quán. Chị H3 và P1 thỏa Thuận: Sau mỗi lượt bán dâm tại quán của P1 hoặc mỗi lượt bán dâm tại quán khác khi P1 yêu cầu thì chị H3 được hưởng số tiền 100.000 đồng. Vào khoảng 21 giờ ngày 20/12/2019, khi đang ở quán của P1 thì chị H3 và chị T1 được P1 mời giới sang quán của C1 để bán dâm. Tại quán của C1, chị H3 được C1 bố trí bán dâm cho anh Nguyễn Quang M1 tại buồng số 1 bên phải còn chị T1 được C1 bố trí bán dâm cho anh Trịnh M1 P2 tại buồng số 1 bên trái. Khi đang Thực hiện hành vi bán dâm thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, Thu giữ những vật chứng nêu trên. Riêng chiếc điện thoại Iphone Xsmax cơ quan Công an Thu giữ của Vũ Thị P1 là của chị H3 cho P1 mượn mang về quê sử dụng trước đó, khi mượn điện thoại P1 không nói cho chị H3 biết sử dụng vào việc gì, đối với sim số 0989157685 lắp bên trong điện thoại này là của P1.

Người làm chứng Phạm Thị N3 khai nhận tại giai đoạn điều tra: Chị N3 đến quán của H1 và N1 làm gái bán dâm từ khoảng tháng 3/2019, khi đến quán chị được H1 và Nghĩa bố trí cho bán dâm nhiều lần tại buồng số 3 của quán. Sau mỗi lượt bán dâm tại quán hoặc bán dâm tại quán khác theo yêu cầu của H1 thì chị N3 sẽ được hưởng 100.000 đồng, số tiền còn lại (100.000 đồng) T1 của người mua dâm thì H1 và N1 được hưởng. Vào tối ngày 20/12/2020, khi đang ở quán của H1 và N1 thì chị được H1 bảo sang quán C1 bán dâm, việc H1 mời giới chị N3 sang quán của C1 bán dâm có chị Hà Thị T3 trực tiếp chứng kiến. Khi sang đến quán của C1, chị được C1 bố trí bán dâm cho anh Văn Đức T6 tại buồng số 3 của quán.

Khi chị N3 đang Thực hiện hành vi bán dâm thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, Thu giữ những vật chứng nêu trên.

Những người làm chứng khác nêu ở trên đều có lời khai về diễn biến, nội dung sự việc toàn bộ quá trình ăn ở, sinh hoạt, mua dâm, bán dâm tại các quán giống như nội dung vụ án đã nêu ở phần trên thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện, Thu giữ những vật chứng, tài sản nêu trên sau đó mời họ về trụ sở làm việc.

Tại bản Cáo trạng số 128/CT-VKSCP ngày 5 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Nguyễn Văn H1 về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 327 và tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự; Truy tố bị can Đào Thị N1 về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 327 của Bộ luật hình sự; Truy tố bị can Vũ Thị P1 về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 327 và tội “Môi giới mại dâm” theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự; Truy tố bị can bị can Trần Văn C1, về tội “Chứa mại dâm” được quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đánh giá số tiền Thu lợi bất chính mà các bị cáo T6 tể được hưởng lợi cho bản thân các bị cáo chỉ là một nửa số tiền T1 được từ người mua dâm, một nửa số tiền Thu lợi các bị cáo đã chia cho gái bán dâm. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát thay đổi một phần nội dung truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn H1, Đào Thị N1 và Vũ Thị P1 về số tiền Thu lợi bất chính và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: các điểm c, d khoản 2 Điều 327, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Văn C1 từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Chứa mại dâm”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 20/12/2019; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: các điểm c, g khoản 2 Điều 327, khoản 1 Điều 328, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 58 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Chứa mại dâm” và từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, về tội “Môi giới mại dâm”. Tổng hợp hình phạt: buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt C1 cho cả hai tội từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 21/12/2019); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: các điểm c, g khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Đào Thị N1 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Chứa mại dâm”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 22/12/2019); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 327, điểm đ khoản 2 Điều 328, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Thị P1 từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Chứa mại dâm” và từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Môi giới mại dâm”. Tổng hợp hình phạt: buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt C1 cho cả hai tội

từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án (được trừ đi những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 21/12/2019 đến ngày 10/3/2020); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các khoản 1, 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 287 bao cao su (nhãn hiệu Silver Fox và Doctor) Thu giữ tại các địa điểm chứa mại dâm của các bị cáo; 01 sim điện thoại có số Thuê bao 0989157685 Thu giữ của Vũ Thị P1; 01 hộp nhựa hình trụ, đường kính đáy 10cm, cao 17 cm; 02 chiếc bút bi đã qua sử dụng Thu giữ tại quán Đào Thị N1. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 1.800.000, 01 điện thoại Iphone X có mặt sau bằng kính màu trắng, bên trong gắn sim số 0979324586 Thu giữ của Trần Văn C1; số tiền 800.000 đồng Thu giữ tại quán của Đào Thị N1 và 1.700.000 đồng Thu giữ của chị Cao Thị T1. Tịch thu (truy thu) số tiền Thu lợi bất chính: 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) của Trần Văn C1; 180.100.000 đồng (một trăm tám mươi triệu một trăm nghìn đồng) của Nguyễn Văn H1 và Đào Thị N1 và 25.600.000 đồng (hai mươi năm triệu sáu trăm nghìn) của Vũ Thị P1 nộp Ngân sách Nhà nước. Trả lại cho bị cáo Vũ Thị P1 số tiền 8.600.000 đồng; trả lại cho bị cáo Đào Thị N1 01 ví nhựa màu đen, 01 chứng M1 nhân dân số 171778074 và số tiền 9.700.000 đồng; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, bên trong gắn sim số 0975.129103; trả lại cho bị cáo Trần Văn C1 số tiền 2.500.000 đồng; trả lại cho chị Lê Thị N2 số tiền 2.400.000 đồng; trả lại cho chị Lê Thị Hằng H3 01 điện thoại Iphone Xsmax.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố về hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng người, đúng tội. Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được H1 nhập cộng đồng.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn C1 và Vũ Thị P1 trình bày các bị cáo C1 và P1 khi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cụ thể là: các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp một phần tiền T1 lời bất chính khắc phục hậu quả; có thân nhân trong gia đình là liệt sĩ, người có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để các bị cáo sớm được H1 nhập cộng đồng, tiếp tục lao động, sản xuất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã Thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã Thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã Thu thập, hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã Thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã Thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Đối với bị cáo Trần Văn C1:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những đối tượng bán dâm do bị cáo quản lý, các cuốn sổ ghi lại số lần bán dâm của các đối tượng bán dâm và những người làm chứng trong vụ án nêu trên, thể hiện:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 20/12/2019 tại số nhà 647 đường Lê Thanh Nghị, T1ộc tổ 9, khu Đ, phường C12, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo Trần Văn C1 đã có hành vi chứa chấp các chị Vàng Thị T2, Phạm Thị N3, Cao Thị T1 và Lê Thị Hằng H3 bán dâm cho các anh Trịnh M1 P2, Văn Đức T6, Hoàng Tuấn A và Nguyễn Quang M1 thì bị cơ quan Công an phát hiện và bắt quả tang.

Từ khoảng tháng 11/2019 đến ngày 20/12/2019, Trần Văn C1 có hành vi chứa chấp chị Lê Thị N2 bán dâm tổng số 116 lượt cho người mua dâm. T1 của người mua dâm tổng số 23.200.000 đồng. Sau khi trả tiền cho gái bán dâm một nửa, C1 thu lợi bất chính số tiền còn lại là 11.600.000 đồng. Lời khai của bị cáo và những đối tượng bán dâm về hành vi phạm tội nhiều lần, đối với nhiều người và tỷ lệ ăn chia (50%/50%) đối với số tiền T1 được là thống nhất, không có mâu thuẫn.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo Trần Văn C1 về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại các điểm c (“Phạm tội 02 lần trở lên”) và điểm d (“Chứa mại dâm 04 người trở lên”) khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Đối với bị cáo Nguyễn Văn H1 và Đào Thị N1:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những đối tượng bán dâm do các bị cáo quản lý, phù hợp với nội dung các cuốn sổ ghi lại số lần bán dâm của các đối tượng bán dâm và những người làm chứng trong vụ án nêu trên, thể hiện:

Ngày 20/12/2019, bị cáo Nguyễn Văn H1 có hành vi làm trung gian dẫn dắt cho Phạm Thị N3 đến quán của bị cáo Trần Văn C1 để bán dâm cho người mua dâm thì bị Công an bắt quả tang. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo Nguyễn Văn H1 về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ khoảng tháng 3/2019 đến ngày 20/12/2019, tại căn nhà số 659, đường Lê Thanh Nghị, tổ 9, khu Đ, phường C12, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn H1 và Đào Thị N1 đã chứa chấp chị Hà Thị N4, Lương Thị H5, Hà Thị T4 và Phạm Thị N3 bán dâm tổng số 1.801 lượt, T1 được tổng số tiền là 360.200.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu hai trăm nghìn đồng) của những người mua dâm. Trong đó H1 và N1 đã trả cho các gái bán dâm một nửa số tiền T1 được và Thu lợi bất chính 180.100.000 đồng (một trăm tám mươi triệu một trăm nghìn

đồng). Hội đồng xét xử thấy: tổng số tiền mà các bị cáo thu được (tổng thu) từ việc chứa mại dâm là 360.200.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu hai trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, Ngay từ khi các gái bán dâm đến làm việc bán dâm ở quán thì H1 và Nghĩa đã thỏa Thuận tỷ lệ ăn chia là: Sau mỗi lượt bán dâm thì H1 và Nghĩa sẽ T1 của người mua dâm 200.000 đồng, số tiền T1 được từ người mua dâm H1 và Nghĩa được hưởng một nửa (100.000 đồng) còn lại gái bán dâm được hưởng một nửa (100.000 đồng). H1 và N1 không Thuê gái bán dâm làm việc và trả lương cho gái bán dâm, cũng không được hưởng toàn bộ khoản tiền T1 được. T6 tế, số tiền H1 và N1 thu lợi bất chính cho bản thân các bị cáo chỉ là 180.100.000 đồng (một trăm tám mươi triệu một trăm nghìn đồng). Bộ luật hình sự chỉ quy định số tiền các bị cáo “Thu lợi bất chính”, chứ không quy định tổng số tiền các bị cáo thu được – tổng thu làm cơ sở định khung hình phạt. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn H1 và Đào Thị N1 về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 327 của bộ luật hình sự, với tình tiết định khung là: “Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” là chưa phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã thay đổi một phần nội dung truy tố về số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c (“Phạm tội 02 lần trở lên”) và điểm g (“Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”) khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ Thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với bị cáo Vũ Thị P1:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những đối tượng bán dâm do các bị cáo quản lý, các cuốn sổ ghi lại số lần bán dâm của các đối tượng bán dâm và những người làm chứng trong vụ án nêu trên, thể hiện:

Từ khoảng tháng 01/2019 đến ngày 20/12/2019, tại căn nhà số 694, đường Lê Thanh Nghị, tại tổ 6, khu H12, phường C12, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Thị P1 đã chứa chấp chị Phạm Thị N6, Lê Thị Hằng H3, Nguyễn Thị H4 và Cao Thị T1 bán dâm tổng số 270 lượt, T1 được của những người mua dâm tổng số tiền 51.200.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng). Cáo trạng truy tố bị cáo Vũ Thị P1 về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c (“Phạm tội nhiều lần”), g (“Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”) khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự là chưa phù hợp vì sau khi chia một nửa số tiền T1 được cho các gái bán dâm, P1 trực tiếp Thu lợi bất chính 25.600.000 đồng (hai mươi năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã thay đổi một phần nội dung truy tố về số tiền Thu lợi bất chính của bị cáo P1 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c (“Phạm tội 02 lần trở lên”) khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ Thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngày 20/12/2019 Vũ Thị P1 có hành vi làm trung gian dẫn dắt cho chị Cao Thị T1 và Lê Thị Hằng H3 đến quán của Trần Văn C1 để bán dâm. Lời khai của bị

cáo và những đối tượng bán dâm về hành vi phạm tội nhiều lần, đối với nhiều người và tỷ lệ ăn chia (50%/50%) đối với số tiền thu được là thống nhất, không có mâu thuẫn.

Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm đ (“Đối với 02 người trở lên”) khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Quá trình thu giữ, niêm phong, bảo quản, giao nhận vật chứng và giám định đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đảm bảo khách quan, trung T6 và có cơ sở khoa học, phù hợp với các bản Kết luận giám định của Phòng kỹ T1ật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**[3] Điều 327 của Bộ luật hình sự quy định:**

- “1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.
2. Phạm tội T1ộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:...
- c) Phạm tội 02 lần trở lên;
- d) Chứa mại dâm 04 người trở lên;...
- g, Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;
3. Phạm tội T1ộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:...
- b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.”

**[4] Điều 328 của Bộ luật hình sự quy định:**

- “1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác Thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.
2. Phạm tội T1ộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:...
- đ) Đối với 02 người trở lên;...”

[5] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng và nếp sống lành mạnh, văn minh, làm tha hóa đạo đức xã hội, trái với Thuần phong mỹ tục của người Việt Nam. Tệ nạn mại dâm không những là một trong những nguyên nhân phá vỡ hạnh Phúc của nhiều gia đình, tiếp tay cho việc lây truyền nhiều căn bệnh truyền nhiễm, mà còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng vì vụ lợi mà cố ý phạm tội. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần bị xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ Thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[6] Trong vụ án này, chỉ có hành vi “Chứa mại dâm” của bị cáo H1 và N1 là có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo H1 Thực hiện tội phạm tích cực

hơn nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo N1. Các hành vi phạm tội khác của các bị cáo không có tính chất đồng phạm mà độc lập với nhau.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Vũ Thị P1 và Trần Văn C1: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã tự nguyện nộp trước tiền Thu lợi bất chính; các bị cáo có thân nhân trong gia đình là liệt sĩ, người có công với cách mạng, được chính quyền địa P1 xác nhận. Đối với bị cáo Đào Thị N1 và Nguyễn Văn H1 có thân nhân trong gia là người có công với cách mạng đã được chính quyền địa P1 xác nhận; riêng bị cáo Nghĩa sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b (“tự nguyện khắc phục hậu quả”) khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo C1 và P1. Tuy nhiên tội “Chứa mại dâm” và tội “Môi giới mại dâm” xâm phạm trật tự công cộng là khách thể được Nhà nước bảo vệ, do đó việc các bị cáo tự nguyện nộp tiền Thu lợi bất chính cũng không khắc phục được hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Vì vậy, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo C1 và P1 là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về hình phạt:

[8.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định không những nhằm trừng trị mà còn để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo Vũ Thị P1 và Trần Văn C1 là luật sư Vũ Hồng H2 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 cho các bị cáo P1 và C1 được hưởng hình phạt dưới khung của Điều khoản áp dụng. Tuy nhiên các bị cáo P1 và C1 chỉ có một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên ý kiến của người bào chữa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

8.2] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp, Thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng và tài sản khác bị thu giữ: 287 bao cao su (nhãn hiệu Silver Fox và Doctor); 01 hộp nhựa hình trụ, đường kính đáy 10cm, cao 17 cm; 02 chiếc bút bi Thu giữ tại các địa điểm chứa mại dâm của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng và giá trị không lớn; 01 sim điện thoại có số Thuê bao 0989157685 Thu giữ của Vũ Thị P1 liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy. Số tiền 1.800.000 đồng, 01 điện thoại Iphone X có mặt sau bằng kính màu trắng, bên trong gắn sim số 0979324586 Thu giữ của Trần Văn C1 là công cụ, P1 tiện phạm tội và là số tiền liên quan đến việc phạm tội; số tiền 800.000 đồng Thu giữ tại quán của Đào Thị N1 chưa xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu, số tiền 1.700.000 đồng Thu giữ tại buồng của chị Cao Thị T1 có được từ việc bán dâm cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền Thu lợi bất chính: của Trần Văn C1 là 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng); của Nguyễn Văn H1 và Đào Thị N1 là 180.100.000 đồng (một trăm tám mươi triệu một trăm nghìn đồng); của Vũ Thị P1 là 25.600.000 đồng (hai mươi năm triệu sáu trăm nghìn đồng) cần tịch thu (truy thu) nộp Ngân sách Nhà nước. Số tiền 8.600.000 đồng Thu giữ của bị cáo Vũ Thị P1 ; 01 ví nhựa màu đen, 01 chứng M1 nhân dân số 171778074 và số tiền 9.700.000 đồng Thu giữ của bị cáo Đào Thị N1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, bên trong gắn sim số 0975.129103 Thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn H1 không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo. Số tiền 2.500.000 đồng T1 của bị cáo C1 và 2.400.000 đồng Thu giữ của chị Lê Thị N2 là tài sản riêng, không liên quan đến việc phạm tội; 01 điện thoại Iphone Xsmax mà bị cáo P1 mượn chị Lê Thị Hằng H3, nhưng chị H3 không biết P1 sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại.

[10] Đối với việc các chị Bùi Hồng N5, Lương Thị H5 và anh Nguyễn Thành T5 cho các bị cáo Đào Thị N1, Vũ Thị P1 và Trần Văn C1 Thuê các căn nhà của mình nhưng anh T, chị N2 và chị H6 không biết N1, H1, P1 và C1 sử dụng nhằm thực hiện hành vi chứa mại dâm, môi giới mại dâm nên không có cơ sở xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với những người bán dâm là Nguyễn Thị H4, Phạm Thị N6, Cao Thị T1, Lê Thị Hằng H3, Vàng Thị T2, Lê Thị N2, Lương Thị Hiền, Hà Thị N4, Hà Thị T4, Hà Thị T3, Hà Thị N3 và những người mua dâm là Nguyễn Quang M1, Văn Đức T6, Trịnh M1 P2, Hoàng Tuấn A và Nông Văn Đ: Công an thành phố Cẩm Phả đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật; Đối với chị T và V, do không xác định được lai lịch, địa chỉ nên chưa đủ cơ sở xử lý theo quy định, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**



1. Căn cứ vào: các điểm c, d khoản 2 Điều 327 ; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C1 phạm tội “Chứa mại dâm”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C1 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 20/12/2019).

2. Căn cứ vào: các điểm c, g khoản 2 Điều 327; khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “Chứa mại dâm” và tội “Môi giới mại dâm”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Chứa mại dâm” và 06 (sáu) tháng tù, về tội “Môi giới mại dâm”. Tổng hợp hình phạt: buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 phải chấp hành hình phạt C1 cho cả hai tội là 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 21/12/2019).

3. Căn cứ vào: các điểm c, g khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Đào Thị N1 phạm tội “Chứa mại dâm”

Xử phạt bị cáo Đào Thị N1 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 22/12/2019).

4. Căn cứ vào: điểm c khoản 2 Điều 327; điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị P1 phạm tội “Chứa mại dâm” và tội “Môi giới mại dâm”

Xử phạt bị cáo Vũ Thị P1 05 (năm) năm tù về tội “Chứa mại dâm” và 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Tổng hợp hình phạt C1: buộc bị cáo Vũ Thị P1 phải chấp hành hình phạt C1 cho cả hai tội là 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án (được trừ đi những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 21/12/2019 đến ngày 10/3/2020).

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào: các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các khoản 1, 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 287 (hai trăm tám mươi bảy) bao cao su chưa qua sử dụng (nhãn hiệu Silver Fox và Doctor); 01 (một) sim điện thoại có số Thuê bao 0989157685; 01 (một) hộp nhựa hình trụ, đường kính đáy 10cm, cao 17 cm; 02 (hai) chiếc bút bi đã qua sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại Iphone X có mặt sau bằng kính màu trắng, bên trong gắn sim số 0979324586 Thu giữ của Trần Văn C1; số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) Thu giữ tại quán của Đào Thị N1; số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) Thu giữ của chị Cao Thị T1.

Tịch thu (truy thu) của bị cáo Trần Văn C1 số tiền: 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) sung Ngân sách Nhà nước, được trừ đi số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) C1 đã tự nguyện nộp theo Biên lai Thu tiền số 0007442 ngày 23/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, bị cáo Trần Văn C1 còn phải nộp tiếp số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tịch thu (truy thu) của các bị cáo Nguyễn Văn H1 và Đào Thị N1 số tiền 180.100.000đ (một trăm tám mươi triệu một trăm nghìn đồng) sung Ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 và Đào Thị N1 phải liên đới nộp số tiền Thu lợi bất chính là 180.100.000đ (một trăm tám mươi triệu một trăm nghìn đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

Tịch thu (truy thu) của bị cáo Vũ Thị P1 số tiền: 25.600.000đ (hai mươi năm triệu sáu trăm nghìn đồng) sung Ngân sách Nhà nước, nhưng trừ đi số tiền Thu lợi bất chính P1 đã tự nguyện nộp là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo Biên lai Thu tiền số 0007439 ngày 09/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, bị cáo Vũ Thị P1 đã nộp đủ số tiền Thu lợi bất chính và được trả lại 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Đào Thị N1 01 (một) ví nhựa màu đen, 01 (một) chứng M1 nhân dân số 171778074 và số tiền 9.700.000đ (chín triệu bảy trăm nghìn đồng); trả lại cho bị cáo Vũ Thị P1 số tiền 8.600.000đ (tám triệu sáu trăm nghìn đồng); trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, bên trong gắn sim số 0975.129103; trả lại cho chị Lê Thị N2 số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng); trả lại cho chị Lê Thị Hằng H3 01 (một) điện thoại Iphone Xsmax, trả lại bị cáo Trần Văn C1 số tiền 2.500.000 đồng.

Tình trạng của những vật chứng nêu trên như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 167/BB-THA ngày 12/8/2020 giữa Công an thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản (bổ sung) số: 01A/BB-THA ngày 01/10/2020 giữa Công an thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

6. Về án phí: Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Văn C1, Vũ Thị P1, Nguyễn Văn H1 và Đào Thị N1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Căn cứ vào: các khoản 1 và 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/11/2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi,

nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có QLNVLQ (bản sao);
- VKSND TP Cẩm Phả;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Cẩm Phả;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS. TP Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quyền**